



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

EXPLORING THE APPLICATION OF PROJECT-BASED LEARNING IN CHINESE FOR ECONOMICS COURSES

Nguyen Thi Ngoc Hien*

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 04 June 2025

Revised 10 September 2025; Accepted 17 October 2025

Abstract: Project-Based Learning (PBL) is a student-centered instructional model that fosters self-directed learning and practical skills through task-based activities. In teaching Chinese for economics, PBL is applied to enhance students' language proficiency and economic knowledge by engaging them in real-world or simulated economic projects, enabling them to use Chinese to solve practical problems. This paper develops a PBL implementation framework for Chinese for economics courses, details its operational steps, and evaluates its effectiveness through empirical surveys. Based on survey findings, the study proposes improvement strategies to optimize PBL implementation and teaching quality.

Keywords: Project-Based Learning (PBL), Chinese for economics course, Chinese Language major

* Corresponding author.

Email address: hienntn0509@gmail.com

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5538>

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP QUA DỰ ÁN TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ

Nguyễn Thị Ngọc Hiền

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 04 tháng 6 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 9 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 10 năm 2025

Tóm tắt: Phương pháp “Học tập qua dự án” (Project-Based Learning, PBL) là một mô hình dạy học lấy người học làm trung tâm, khuyến khích khả năng tự học và thực hành thông qua nhiệm vụ. Trong giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế, việc áp dụng PBL nhằm giúp sinh viên nâng cao năng lực và kiến thức kinh tế bằng cách tham gia vào các dự án, từ đó có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để giải quyết các tình huống kinh tế thực tiễn hoặc mô phỏng. Bài viết xây dựng mô hình triển khai phương pháp PBL trong các môn tiếng Trung Quốc kinh tế, mô tả cách thức triển khai cụ thể dựa trên mô hình và khảo sát đánh giá hiệu quả triển khai. Dựa trên kết quả khảo sát, bài viết đề xuất các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng triển khai PBL cũng như chất lượng giảng dạy môn học.

Từ khóa: Học tập qua dự án (PBL), môn tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Dẫn nhập

Việc đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Trung Quốc theo định hướng kinh tế của các trường đại học hiện nay là một xu thế tất yếu, bắt kịp với yêu cầu của xã hội. Các doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc hiện nay không chỉ cần những nhân viên sử dụng lưu loát và thành thục tiếng Trung, mà quan trọng hơn, phải có kiến thức nhất định về lĩnh vực chuyên môn mà họ cần. Do đó, mục tiêu đào tạo các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế không chỉ là giúp sinh viên (SV) đạt được năng lực chung về thực hành tiếng, mà còn cung cấp cho SV những khái niệm, thuật ngữ cũng như những kiến thức nền tảng liên quan tới lĩnh vực kinh tế thương mại, trên cơ sở đó, SV có thể hiểu và vận dụng được vào giải quyết các tình huống thương mại và ứng dụng vào công việc sau khi ra trường.

Hiện nay, phương pháp “Học tập qua dự án” (Project-Based Learning, PBL) là một mô hình dạy học phổ biến trong các môn học kinh tế và quản trị kinh doanh. Phương pháp này giúp SV thực hành lập kế hoạch kinh doanh, tiếp thị... thông qua các dự án thực tế, từ đó phát triển kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, nâng cao khả năng kết hợp lý thuyết với thực tiễn, giúp SV hiểu sâu hơn về môn học, tăng cường kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian... Tuy nhiên, đối với SV chuyên ngành ngôn ngữ không có nền tảng kiến thức về kinh tế, việc áp dụng PBL với kết quả dự án là SV dùng tiếng Trung Quốc trình bày về một dự án kinh tế thương mại, chắc chắn quá trình triển khai sẽ gặp nhiều thách thức và khó khăn đến từ giảng viên (GV) và SV.

^o Nghiên cứu này được Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội cấp kinh phí trong khuôn khổ Nhiệm vụ KHCN & ĐMST cấp trường mã số N.25.10.

Trong và ngoài nước đã có nhiều nghiên cứu về PBL, hình thành nền tảng lý thuyết và thực tiễn vững chắc. John Dewey (1916) lần đầu nêu ra khái niệm PBL trong cuốn *Dân chủ và giáo dục*; William H. Kilpatrick (1918) và Joseph Krajcik (2006) tiếp tục phát triển phương pháp này. Viện Giáo dục Buck (BIE) cũng đề xuất “Tiêu chuẩn vàng PBL”, cung cấp khung và công cụ cụ thể cho việc dạy học theo dự án chất lượng cao.

Tại Trung Quốc và Việt Nam, PBL được áp dụng rộng rãi trong giảng dạy tiếng Anh. Theo dữ liệu từ CNKI, đã có hơn 1400 công trình nghiên cứu về PBL trong giảng dạy tiếng Anh, có thể kể đến như Dương và cộng sự (2012) chứng minh hiệu quả của PBL trong viết học thuật tiếng Anh; Lý và cộng sự (2023) phân tích các bước triển khai PBL qua giáo trình tiếng Anh quân sự; Hồng (2024) chỉ ra ưu và nhược điểm của PBL trong dạy tiếng Anh thương mại. Ở Việt Nam, Ngô (2014), Vũ (2017), Hồ (2019) và Trần (2023) cũng có nhiều công trình nghiên cứu hiệu quả và ứng dụng cụ thể của PBL trong các lớp tiếng Anh chuyên ngành như giao tiếp liên văn hóa, du lịch, dịch thuật, marketing... Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa đi sâu giới thiệu cách thức triển khai cụ thể của phương pháp PBL, cách thức đánh giá dự án của các nghiên cứu cũng thường chỉ tập trung vào mức độ hài lòng của SV, mà chưa có nghiên cứu nào đánh giá giá trị của dự án dựa trên các tiêu chí cần có của một dự án lý tưởng như tính tự chủ của học sinh, tính phản tư vấn đề, tính phản biện và chỉnh sửa... theo bộ “Tiêu chí vàng” của BIE.

Tìm hiểu phương pháp PBL trong giảng dạy các môn học tiếng Trung Quốc, đặc biệt ở các môn tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế, hiện chỉ có một số tài liệu liên quan như: nghiên cứu của Mai và cộng sự (2017) về áp dụng PBL trong môn tiếng Trung Quốc du lịch tại Đại học Thái Nguyên, và nghiên cứu của Nguyễn (2019) về ứng dụng phương pháp giảng dạy theo nhiệm vụ trong kỹ năng nói tiếng Trung Quốc. Điều này cho thấy lĩnh vực này còn nhiều tiềm năng nghiên cứu.

Việc dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế cho SV không có nền tảng kinh tế là một thách thức. Dự án yêu cầu SV trình bày một chủ đề kinh tế bằng tiếng Trung Quốc, điều này đòi hỏi GV phải có khả năng hướng dẫn hiệu quả, còn SV cần có khả năng tiếp thu, hiểu và diễn đạt chính xác các khái niệm kinh tế. Do đó, nghiên cứu việc triển khai cụ thể PBL trong giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế là rất cần thiết. Nó không chỉ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học này, mà còn có thể cung cấp mô hình tham khảo thực tế cho các môn ngoại ngữ chuyên ngành khác và góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận, thực tiễn về phương pháp PBL trong dạy học ngoại ngữ chuyên ngành.

Từ những lý do trên, đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng phương pháp Học tập qua dự án trong giảng dạy môn tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế*” được thực hiện, với nhiệm vụ trả lời 2 câu hỏi:

(1) *Mô hình phương pháp Học tập qua dự án (PBL) trong các môn tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế là gì và cần triển khai như thế nào cho phù hợp với đối tượng SV chuyên ngành ngôn ngữ?*

(2) *Cách thức triển khai đó đã phù hợp và giúp phát huy hết được những ưu điểm vốn có của phương pháp PBL hay không?*

2. Cơ sở lý luận

2.1. Mô hình học tập qua dự án (Project-Based Learning, PBL)

2.1.1. Khái niệm Học tập qua dự án

William H. Kilpatrick lần đầu tiên hệ thống hóa khái niệm học tập qua dự án (PBL) trong tác phẩm *Phương pháp dự án* năm 1918. Ông định nghĩa đây là “hoạt động thực hành

mang tính tích hợp do người học tự khởi xướng, nhằm đạt được mục tiêu cụ thể trong bối cảnh xã hội thực tiễn”. Định nghĩa này xác lập bốn yếu tố cốt lõi của PBL: tính tự chủ của người học, định hướng mục tiêu, tính thực tiễn xã hội và tính tích hợp kiến thức.

2.1.2. Đặc điểm của phương pháp Học tập qua dự án

Dựa trên lý thuyết của William Heard Kilpatrick, Viện Giáo dục Buck (Buck Institute for Education, BIE – nay là PBLWorks) đã xác định các đặc điểm của học tập qua dự án chất lượng cao như sau: (1) Tính tự chủ: Lấy người học làm trung tâm, GV đóng vai trò hỗ trợ, giúp người học phát triển năng lực tự học thông qua thực hành; (2) Tính thực tiễn: Kết nối với các vấn đề thực tế, yêu cầu vận dụng kiến thức liên ngành để tạo ra sản phẩm cụ thể, có thể trình bày được; (3) Tính khám phá: Lấy nghiên cứu làm định hướng, người học trải qua toàn bộ quá trình từ xác lập mục tiêu, phát hiện vấn đề, tìm kiếm tài nguyên đến giải quyết vấn đề; (4) Tính hợp tác: Người học làm việc theo nhóm, phân công nhiệm vụ rõ ràng để hoàn thành các bước của dự án.

2.1.3. Các bước triển khai phương pháp Học tập qua dự án

Trong cuốn “Setting the Standard for Project Based Learning: A Proven Approach to Rigorous Classroom Instruction”, ba tác giả John Larmer, John Mergendoller và Suzie Boss đã đề xuất quy trình thiết kế một dự án học tập chất lượng gồm các bước: (1) Xác định mục tiêu học tập cốt lõi (Identify Learning Goals): Kết hợp kiến thức học thuật và kỹ năng thế kỷ 21; (2) Thiết kế câu hỏi định hướng có tính thách thức (Design a Challenging Driving Question): Câu hỏi mở, gắn với thực tế; (3) Lập kế hoạch cho cấu trúc dự án (Plan the Project Framework): Bao gồm lộ trình thời gian, các cột mốc; (4) Tích hợp tình huống thực tế (Make It Authentic): Gắn liền với các vấn đề thực tế; (5) Lồng ghép lựa chọn của người học (Incorporate Student Voice and Choice): Cho phép SV chọn đề tài, hình thức thể hiện...; (6) Thiết kế cơ chế đánh giá quá trình và phản hồi (Plan for Reflection and Feedback): Khuyến khích phản tư, điều chỉnh liên tục; (7) Xây dựng sản phẩm cuối cùng và tổ chức trình bày công khai (Develop the Final Product and Public Presentation): Hướng đến đối tượng công chúng thực sự.

2.1.4. Tiêu chuẩn vàng (Gold Standard Project Based Learning - PBL)

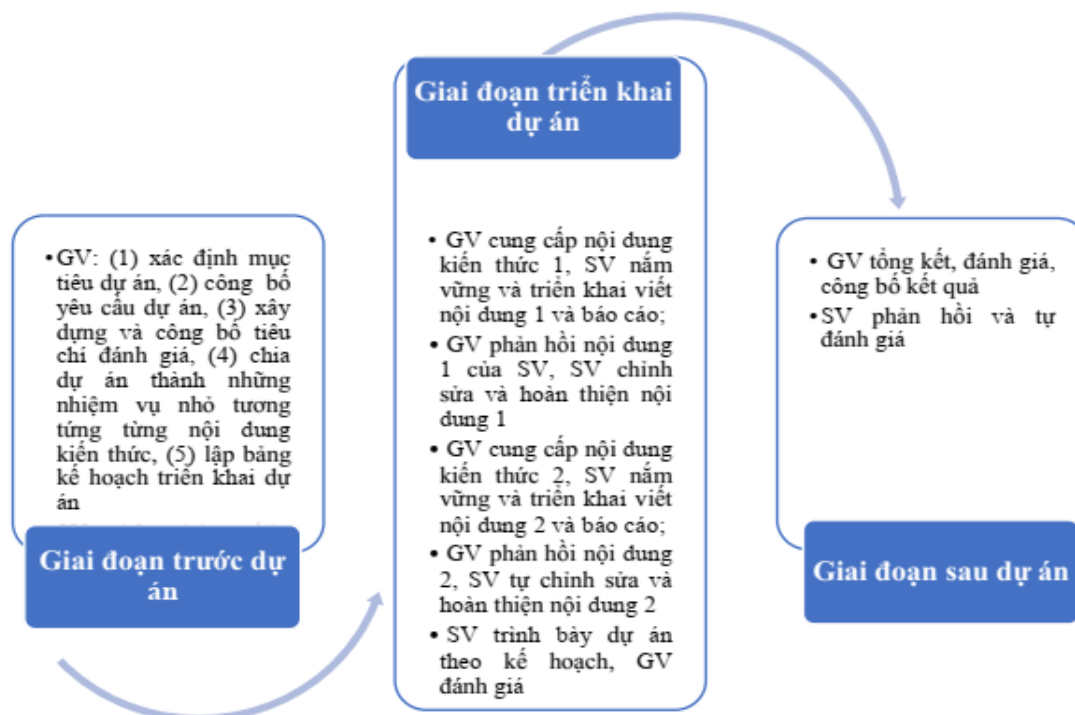
Tiêu chuẩn vàng học tập qua dự án (Gold Standard PBL) được Viện Giáo dục Buck (BIE) đưa ra nhằm hỗ trợ GV thiết kế và triển khai các dự án chất lượng cao, hiện là khung lý thuyết uy tín được ứng dụng rộng rãi trong giáo dục toàn cầu. Theo BIE, một dự án học tập hiệu quả cần đảm bảo 7 yếu tố cốt lõi: (1) Câu hỏi có tính thách thức (Challenging Problem or Question): Là câu hỏi mở kích thích tư duy và khám phá sâu; (2) Khám phá liên tục (Sustained Inquiry): Quá trình nghiên cứu chuyên sâu vượt ra ngoài hiểu biết bề mặt; (3) Tính thực tiễn (Authenticity): Gắn với đời sống thực tế hoặc nhu cầu nghề nghiệp; (4) Tiếng nói và sự lựa chọn của người học (Student Voice & Choice): Người học có quyền lựa chọn nội dung và cách thể hiện sản phẩm; (5) Phản tư (Reflection): Đánh giá thường xuyên quá trình và kết quả học tập; (6) Phản biện và chỉnh sửa (Critique & Revision): Cải tiến sản phẩm dựa trên phản hồi mang tính xây dựng; (7) Trình bày sản phẩm công khai (Public Product): Giới thiệu sản phẩm đến khán giả thực sự.

2.2. Mô hình vận dụng phương pháp Học tập qua dự án trong môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

Trên cơ sở lý thuyết của các học giả đi trước, xuất phát từ thực tế giảng dạy các môn học tiếng Trung Quốc kinh tế, chúng tôi đã đưa ra mô hình Học tập qua dự án (PBL) trong môn học phù hợp với đặc điểm của SV chuyên ngành tiếng Trung Quốc không có nền tảng kiến thức kinh tế, cụ thể như sau:

Biểu đồ 1

Mô hình triển khai dự án trong các môn học tiếng Trung quốc chuyên ngành kinh tế



3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê, phân tích, miêu tả: Đề tài tổng kết và kế thừa thành quả của những nghiên cứu đi trước, dựa trên cơ sở lý luận về lý luận dạy học ngoại ngữ nói chung và lý luận về phương pháp Học tập qua dự án (PBL) nói riêng, xây dựng mô hình và miêu tả cụ thể cách thức triển khai phương pháp Học tập qua dự án trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế thông qua một trường hợp điển hình, đó là “Phân tích chiến lược kinh doanh của một doanh nghiệp theo lý luận 4Ps” thuộc nội dung môn học Quản trị doanh nghiệp.

Phương pháp khảo sát, phỏng vấn: Đề tài khảo sát các SV tham gia vào môn học và hoàn thành dự án. Đề tài tiến hành điều tra khảo sát và phỏng vấn lần 1 trước khi áp dụng các phương pháp PBL, nghiên cứu tìm hiểu xem SV hiểu và đánh giá về phương pháp này như thế nào? Sau khi dự án kết thúc, chúng tôi tiếp tục tiến hành khảo sát và phỏng vấn lần 2, nhằm đánh giá hiệu quả triển khai của phương pháp PBL. Dựa vào kết quả phân tích, bài viết xác định các vấn đề còn tồn tại, từ đó đề xuất hướng cải tiến nhằm tối ưu hóa việc áp dụng PBL trong giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế.

4. Cách thức triển khai phương pháp Học tập qua dự án trong giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

Để cụ thể hóa mô hình triển khai phương pháp Học tập qua dự án (PBL), nghiên cứu đã lấy dự án “*Phân tích chiến lược Marketing của 1 doanh nghiệp*” trong học phần Quản trị doanh nghiệp làm ví dụ, phân tích và mô tả chi tiết cách thức triển khai dự án.

Học phần Quản trị doanh nghiệp là một trong các môn học được triển khai trong chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc định hướng kinh tế tại Trường Đại học Ngoại

ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Môn học được giảng dạy trong 15 tuần, mỗi tuần 3 tiết, mỗi tiết 50 phút, bao gồm 9 đơn nguyên, trong đó đơn nguyên *Chiến lược Marketing* gồm 4 nội dung: chiến lược sản phẩm (Product), chiến lược định giá (Price), chiến lược phân phối (Place) và chiến lược xúc tiến (Promotion).

Chiến lược marketing của doanh nghiệp là một nội dung trọng yếu trong quản trị doanh nghiệp. Dự án bắt nguồn từ bối cảnh đời sống, cụ thể là môi trường kinh doanh và góc nhìn của người tiêu dùng. Là những người tiêu dùng thông thường, SV đã tiếp xúc với thị trường và doanh nghiệp thực tế trong đời sống hàng ngày thông qua quan sát, mua sắm, sử dụng sản phẩm hoặc dịch vụ. Những trải nghiệm này tạo nên nhận thức nhất định và trực tiếp về hoạt động marketing của doanh nghiệp, từ đó giúp SV khơi dậy hứng thú học tập và khả năng tư duy. Trong dự án, SV sẽ thay đổi góc nhìn là nhà quản trị và phân tích thị trường để phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, giúp dự án có tính chân thực (Authenticity) và tính liên quan (Relevance). SV phải tìm hiểu thông tin thật, viết báo cáo theo định dạng thật, có thể ứng dụng sau khi ra trường, đồng thời phù hợp với định hướng nghề nghiệp của SV như: biên phiên dịch thương mại, làm việc tại công ty Trung Quốc...

4.1. Giai đoạn trước dự án

4.1.1. Hoạt động của giáo viên

Xác định mục tiêu dự án

Mục tiêu kiến thức: (1) Hiểu bốn yếu tố trong chiến lược marketing doanh nghiệp: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối, và chiến lược xúc tiến; (2) Nắm vững các thuật ngữ liên quan trong lĩnh vực marketing; (3) Hiểu chiến lược quản lý marketing của doanh nghiệp đã lựa chọn.

Mục tiêu năng lực: (1) Nâng cao năng lực thực hành ngôn ngữ, sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc, đạt trình độ cấp 5 theo khung năng lực tiếng Trung Quốc; (2) Có thể phân tích và vận dụng kiến thức marketing để đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp đã chọn; (3) Có khả năng làm việc độc lập và khoa học; (4) Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả; (5) Phát triển tư duy phản biện, có thể đưa ra lập luận, dẫn chứng, và bảo vệ quan điểm của mình một cách logic, khoa học và thuyết phục.

Công bố yêu cầu dự án

Các nhóm lựa chọn một doanh nghiệp, vận dụng những kiến thức về chiến lược Marketing đã học, phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp đó theo khung lý thuyết 4Ps (viết tắt từ Product Price Place - Promotion), trình bày kết quả dự án vào tuần thứ 6, hình thức tự chọn (thuyết trình, quay video, diễn kịch...), kết quả dự án sẽ được tính là điểm giữa kỳ của môn học.

Công bố tiêu chí đánh giá dự án: bao gồm đánh giá quá trình triển khai và đánh giá kết quả dự án. Trên cơ sở nhiệm vụ của các thành viên đã được phân công trong nhóm, GV sẽ đánh giá kết quả của nhóm và từng thành viên theo các tiêu chí cụ thể sau:

Đánh giá quá trình triển khai (30%) – đánh giá nhóm: thông qua nội dung hoàn thành và báo cáo hàng tuần của các nhóm, đánh giá chéo giữa các nhóm.

Đánh giá kết quả dự án (70%) – đánh giá cá nhân: theo các tiêu chí về Ngôn ngữ trình bày (25%), Nội dung trình bày (25%), Hình thức trình bày (10%), Khả năng phản biện khi trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác (10%)...của từng thành viên trong nhóm.

Chia dự án thành những nhiệm vụ nhỏ

Trong học phần Quản trị doanh nghiệp, đơn nguyên *Chiến lược marketing của doanh*

nghiệp bao gồm bốn nội dung: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến, do đó dự án cũng được chia thành bốn nhiệm vụ nhỏ tương ứng.

Lập kế hoạch triển khai dự án

Dự án được tiến hành trong thời gian 6 tuần, mỗi tuần 3 tiết học. GV lập kế hoạch cụ thể cho từng tuần.

Bảng 1

Kế hoạch triển khai dự án

Tuần	Nhiệm vụ	Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	Chú ý
1	Chiến lược sản phẩm	Cung cấp từ vựng và kiến thức về chiến lược sản phẩm	Viết nội dung 1: chiến lược sản phẩm	(1) SV viết nội dung hàng tuần trên Google Docs và nộp qua Google Classroom; GV sửa bài và phản hồi trực tuyến. (2) Hoạt động trao đổi giữa GV và SV diễn ra qua ứng dụng Zalo, khi cần có thể sử dụng Zoom để hướng dẫn nhóm.
2	Chiến lược định giá	Cung cấp từ vựng và kiến thức về chiến lược định giá	Viết nội dung 2: chiến lược định giá	
3	Chiến lược phân phối	Cung cấp từ vựng và kiến thức về chiến lược phân phối	Viết nội dung 3: chiến lược phân phối	
4	Chiến lược xúc tiến	Cung cấp từ vựng và kiến thức về chiến lược xúc tiến	Viết nội dung 4: chiến lược xúc tiến	
5	Tổng duyệt	GV tổng kết dự án, phân tích những tồn tại, chỉnh sửa và phản hồi, giúp SV hoàn thiện dự án	SV rút kinh nghiệm từ những báo cáo mẫu hàng tuần, chỉnh sửa nội dung, chuẩn bị trình bày dự án	SV sử dụng các công cụ đa phương tiện như Canvas, iMovie... để xây dựng sản phẩm
6	Trình bày dự án			

4.1.2. Hoạt động của sinh viên

SV chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm gồm 3–4 thành viên. Mỗi nhóm tự do lựa chọn một doanh nghiệp yêu thích (dựa trên sở thích hoặc nhu cầu cá nhân) để phân tích chiến lược marketing của doanh nghiệp đó. Nhằm tránh trùng lặp đề tài, mỗi nhóm cần đăng ký chủ đề dự án trước khi tiến hành triển khai. Mỗi nhóm sẽ nộp bảng kế hoạch dự án của mình cho GV trước khi chính thức triển khai dự án. Kết quả dự án sẽ bao gồm: 1 bài tổng hợp giới thiệu về doanh nghiệp, và 1 bài phân tích chiến lược marketing của doanh nghiệp trên cơ sở các thông tin được cung cấp trong bài tổng hợp. Các thông tin về doanh nghiệp mà sinh viên lựa chọn được yêu cầu ghi rõ nguồn trích dẫn (từ các báo, web chính thống và có uy tín) trong bài tổng hợp của mình.

4.2. Giai đoạn triển khai

Dự án được chính thức triển khai trong 6 tuần, hoạt động trên lớp của mỗi tuần đều bao gồm hai phần: giảng dạy lý thuyết của GV và phần báo cáo mẫu theo nhóm của SV. Với nội dung giảng dạy lý thuyết, GV áp dụng phương pháp phân tích tình huống kết hợp với phương pháp dạy học theo nhiệm vụ. Sau khi lên lớp, các nhóm sẽ tiến hành viết nội dung kiến thức tương ứng từng tuần và gửi lại cho GV. Đặc biệt, sau phần trình bày và chỉnh sửa của GV cho các báo cáo mẫu của các nhóm trên lớp hàng tuần, SV sẽ có cơ hội tập dượt trình bày nhằm nâng cao khả năng ngôn ngữ, đồng thời tự nhìn nhận và đánh giá lại bài viết của mình, từ đó tự hoàn thiện và điều chỉnh nội dung dự án. Các hoạt động cụ thể được triển khai như sau:

Bảng 2*Cách thức triển khai của dự án*

Thời gian	Nhiệm vụ	Hoạt động		
		Trước khi lên lớp	Trên lớp	Sau khi lên lớp
Tuần 1	Phân tích chiến lược sản phẩm	Thông qua LMS, GV gửi các tài liệu học tập và các nội dung, yêu cầu liên quan tới dự án. SV tìm hiểu các kiến thức về marketing và chuẩn bị dự án	- GV giới thiệu dự án và các nội dung liên quan - GV cung cấp kiến thức về chiến lược sản phẩm, ứng dụng kiến thức đã học vào phân tích 《麦当劳公司——如何应对市场饱和》 trong giáo trình - SV hoàn thành các bài tập liên quan, từ đó nắm kiến thức, nâng cao kỹ năng thực hành tiếng - GV cử nhóm 1 thuyết trình về phân tích chiến lược sản phẩm của McDonald's theo nội dung bài 《麦当劳公司——如何应对市场饱和》	- SV phân nhóm, chọn đề tài, lên kế hoạch và viết nội dung kiến thức 1: phân tích chiến lược sản phẩm của doanh nghiệp đã chọn và gửi cho GV. - GV phản hồi và chỉnh sửa
Tuần 2	Phân tích chiến lược định giá	SV hoàn thành bài tập, chuẩn bị nội dung thuyết trình 1	- GV cung cấp kiến thức về chiến lược định giá, ứng dụng kiến thức đã học vào phân tích 《宜家的奢侈“低价品”》 trong giáo trình - SV hoàn thành các bài tập liên quan, từ đó nắm kiến thức, nâng cao kỹ năng thực hành tiếng - Nhóm 1 thuyết trình về phân tích chiến lược sản phẩm của McDonald's theo nội dung bài 《麦当劳公司——如何应对市场饱和》 - GV đánh giá, chỉnh sửa, làm tài liệu tham khảo cho các nhóm tự điều chỉnh và hoàn thiện nội dung 1 của mình - GV cử nhóm 2 thuyết trình về phân tích chiến lược định giá của IKEA theo nội dung bài 《宜家的奢侈“低价品”》	- SV viết nội dung kiến thức 2: phân tích chiến lược định giá của doanh nghiệp đã chọn và gửi cho GV. - GV phản hồi và chỉnh sửa
Tuần 3	Phân tích chiến lược phân phối	SV hoàn thành bài tập, chuẩn bị nội dung thuyết trình 2	- GV cung cấp kiến thức về chiến lược phân phối, ứng dụng kiến thức đã học vào phân tích 《苹果公司》 trong giáo trình - SV hoàn thành các bài tập liên quan, từ đó nắm kiến thức, nâng cao kỹ năng thực hành tiếng - Nhóm 2 thuyết trình về phân tích chiến lược định giá của IKEA theo nội	- SV viết nội dung kiến thức 3: phân tích chiến lược phân phối của doanh nghiệp đã chọn và gửi cho GV. - GV phản hồi và chỉnh sửa

			dung bài 《宜家的奢侈“低价品”》 4. GV đánh giá, chỉnh sửa, làm tài liệu tham khảo cho các nhóm tự điều chỉnh và hoàn thiện nội dung 2 của mình 5. GV cử nhóm 3 thuyết trình về phân tích chiến lược phân phối của công ty APPLE theo nội dung bài 《苹果公司》	
Tuần 4	Phân tích chiến lược xúc tiến	SV hoàn thành bài tập, chuẩn bị nội dung thuyết trình 3	1. GV cung cấp kiến thức về chiến lược định giá, ứng dụng kiến thức đã học vào phân tích 《小米：为发烧而生》 trong giáo trình 2. SV hoàn thành các bài tập liên quan, từ đó nắm kiến thức, nâng cao kỹ năng thực hành tiếng 3. Nhóm 3 thuyết trình về phân tích chiến lược sản phẩm của APPLE theo nội dung bài 《苹果公司》 4. GV đánh giá, chỉnh sửa, làm tài liệu tham khảo cho các nhóm tự điều chỉnh và hoàn thiện nội dung 3 của mình 5. GV cử nhóm 4 thuyết trình về phân tích chiến lược định giá của XIAOMI theo nội dung bài 《小米：为发烧而生》	1. SV viết nội dung kiến thức 4: phân tích chiến lược xúc tiến của doanh nghiệp đã chọn và gửi cho GV. 2. GV phản hồi và chỉnh sửa
Tuần 5	Tổng hợp chiến lược marketing	SV hoàn thành bài tập, chuẩn bị nội dung thuyết trình 4, đồng thời tổng hợp 4 nội dung nhiệm vụ nhỏ	1. Nhóm 4 thuyết trình về phân tích chiến lược sản phẩm của XIAOMI theo nội dung bài 《小米：为发烧而生》 2. GV đánh giá, chỉnh sửa, làm tài liệu tham khảo cho các nhóm tự điều chỉnh và hoàn thiện nội dung dự án 3. Tổng kết chiến lược: GV phân tích những tồn tại, chỉnh sửa và phản hồi, giúp SV hoàn thiện dự án	SV rút kinh nghiệm từ những báo cáo hàng tuần, chỉnh sửa toàn bộ nội dung, chuẩn bị trình bày dự án
Tuần 6	Trình bày dự án: Mỗi nhóm có 25 phút (10 phút báo cáo + 15 phút trả lời câu hỏi). Hình thức trình bày linh hoạt: thuyết trình, áp phích, trang web, mô hình thực tế, phóng sự hoặc video...GV đánh giá theo các tiêu chí đã công bố, các nhóm đánh giá chéo.			

Dưới đây là sản phẩm báo cáo của hai trong số các nhóm đã tham gia dự án: 2 nhóm đều chọn hình thức báo cáo kết quả dự án bằng quay video, trong đó các thành viên sẽ hóa thân thành phóng viên đưa tin về chiến lược marketing của tập đoàn văn phòng phẩm Hồng Hà và tập đoàn SHEIN.

Hình 1

Sản phẩm dự án báo cáo của SV



Trong quá trình triển khai dự án, thông qua các buổi phân tích tình huống nhóm hàng tuần, SV có thể nhận ra những vấn đề còn tồn tại trong dự án của mình để từ đó điều chỉnh và hoàn thiện. Mỗi buổi học cũng là cơ hội để SV tương tác với GV và bạn học, giúp giải đáp thắc mắc. Trên cơ sở đó, SV còn có thể tự phản tư quá trình học tập.

Toàn bộ quá trình dự án được SV chủ động quyết định, bao gồm: lựa chọn doanh nghiệp, phân nhóm trong lớp, phân công nhiệm vụ trong nhóm, thời gian và tiến độ thực hiện. SV tiến hành dự án theo kế hoạch định sẵn: nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, thu thập dữ liệu, phân tích, đóng vai, giải quyết vấn đề và tạo sản phẩm cuối cùng. GV đóng vai trò hỗ trợ, cung cấp cơ sở lý thuyết thông qua bài giảng, tạo điều kiện cho SV thảo luận và trình bày nhóm, từ đó rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc để phân tích chiến lược marketing của doanh nghiệp, nâng cao năng lực ngôn ngữ và hiểu sâu kiến thức, đặt nền móng vững chắc cho báo cáo cuối kỳ.

4.3. Giai đoạn sau dự án

GV tổng kết đánh giá dự án, cung cấp bảng khảo sát hiệu quả sau khi triển khai dự án, SV tự đánh giá và phản hồi hiệu quả dựa trên bài khảo sát GV đưa ra.

Sau phần trình bày, SV hoàn thành phiếu khảo sát đánh giá hiệu quả dự án, tự phản ánh toàn diện về quá trình thực hiện, kết quả đạt được và những khó khăn gặp phải. Những phản hồi này giúp GV nắm bắt trải nghiệm thực tế của SV và cải thiện chất lượng giảng dạy môn học.

5. Đánh giá mô hình triển khai

Nhằm đánh giá hiệu quả triển khai của mô hình phương pháp Học tập qua dự án nêu trên, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 57 SV năm thứ 3 khóa QH2022 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (Khóa QH2022 của Khoa chỉ có 57 SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc theo định hướng kinh tế). Sau khi khảo sát, với những câu trả lời cần làm rõ hơn hoặc giải thích cụ thể hơn, chúng tôi kết hợp phỏng vấn và gợi nhớ có kiểm soát (stimulated recall) với 10 SV. Các SV tham gia khảo sát có trình độ tiếng Trung Quốc cao cấp, ít nhất đã học tiếng Trung Quốc được 2,5 năm, một số đã học tiếng Trung Quốc từ bậc học THPT.

5.1. Triển khai khảo sát

Khảo sát được chia làm hai đợt, thực hiện qua biểu mẫu Google Form: lần 1 trước khi triển khai dự án nhằm tìm hiểu nhận thức chung của SV về phương pháp PBL và lần 2, sau khi SV trình bày kết quả dự án, nhằm đánh giá mô hình và cách thức triển khai.

Tiêu chí đánh giá mô hình xuất phát từ hai góc độ: (1) Sự đáp ứng của mô hình và cách thức triển khai trên thực tế với mô hình PBL lý tưởng dựa trên bộ “Tiêu chuẩn vàng” (Gold Standard Project Based Learning) do Viện nghiên cứu giáo dục Buck (PBLWorks) phát triển; (2) Mức độ hài lòng của người học theo thang đo Likert 5 cấp độ, điểm đánh giá từ 1-5 theo mức độ 1-Hoàn toàn không hứng thú/đồng ý, 5-Hoàn toàn hứng thú/đồng ý.

Ngoài ra, mô hình triển khai còn được đánh giá trên độ tương thích với đặc điểm của 1 dự án PBL do William Heard Kilpatrick đề xuất, gồm: tính tự chủ, tính hợp tác, tính khám phá và tính thực tiễn/xã hội.

5.2. Kết quả khảo sát và phân tích

5.2.1. Kết quả và phân tích khảo sát lần 1

Về hứng thú và kỳ vọng của SV với môn học Quản trị doanh nghiệp

Bảng 3

Hứng thú của SV với môn học Quản trị doanh nghiệp

	Hoàn toàn không hứng thú		Không hứng thú		Trung lập		Hứng thú		Hoàn toàn hứng thú	
Q1	0	0%	0	0%	8	14%	22	38,6%	27	47,4%

Q1: Em có hứng thú với các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế không?

86% SV trả lời có hứng thú, cho rằng môn học giúp họ tiếp cận lĩnh vực mới, khác biệt với những nội dung kiến thức đã học trước đó.

Q2: Theo em, phương pháp giảng dạy nào là phù hợp nhất để đạt hiệu quả tối ưu trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế?

Với câu hỏi mở này, 53% SV cho rằng phương pháp phù hợp nhất là giảng dạy kết hợp với phân tích tình huống, GV giảng dạy lý thuyết qua phân tích các tình huống quản trị thực tiễn; 16,7% hi vọng triển khai theo hình thức dự án học tập theo nhóm; 15,6% mong muốn tham gia tọa đàm hoặc trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp; số còn lại đề xuất sử dụng video, trò chơi... Có thể thấy, phần lớn SV hi vọng môn học sẽ được triển khai theo hình thức dạy học mới qua phân tích tình huống và thực hành dự án, điều này trùng khớp với mô hình học tập qua dự án mà chúng tôi triển khai.

Về nhận thức của SV tới phương pháp Học tập qua dự án (PBL)

Q3: Em đã từng nghe nói đến phương pháp “Học tập qua dự án” (PBL) chưa?

54,5% chưa từng nghe; 40,9% chỉ nghe nói nhưng chưa từng trải nghiệm; chỉ 4,6% đã từng thực hiện, cho thấy dù phương pháp Học tập qua dự án đã được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy tiếng Anh, song PBL vẫn là phương pháp khá mới mẻ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc nói chung và tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế nói riêng.

Q4: Theo em, phương pháp Học tập qua dự án mang lại những hiệu quả cụ thể nào?

Với câu hỏi mở này, 65% SV cho rằng nhờ thời gian học và tự nghiên cứu trong một quá trình nên PBL sẽ giúp hiểu kiến thức sâu hơn và rõ hơn, hiểu được cách áp dụng lý thuyết vào thực tế, đồng thời có thể ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công việc sau này; 15% SV hi vọng giúp phát triển khả năng làm việc nhóm; 8% cho rằng PBL giúp rèn tư duy phản biện, rèn kỹ năng tự nghiên cứu. Một số ít SV hi vọng PBL giúp SV nâng cao khả năng tổng hợp và phân tích thông tin.

Kết luận: SV còn hiểu biết hạn chế về phương pháp Học tập qua dự án (PBL), nhưng

bước đầu công nhận tính phù hợp của PBL trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế, đặc biệt nhấn mạnh vai trò thực hành trong việc ứng dụng kiến thức và giải quyết vấn đề thực tế, tuy nhiên, cần tăng cường hướng dẫn cụ thể hơn về hình thức và ưu thế của PBL.

5.2.2. Kết quả và phân tích khảo sát lần 2

Sau khi SV hoàn tất trình bày kết quả dự án, khảo sát lần 2 và phỏng vấn được tiến hành nhằm tìm hiểu quy trình thực hiện và đánh giá hiệu quả của mô hình phương pháp học tập qua dự án (PBL) được triển khai. Tiêu chí đánh giá dựa trên bộ “Tiêu chí vàng” của BIE.

Về tiêu chí “Vấn đề hoặc câu hỏi thách thức” (Challenging Problem or Question) và Tính thực tiễn (Authenticity)

Bảng 4

Hứng thú của SV với dự án

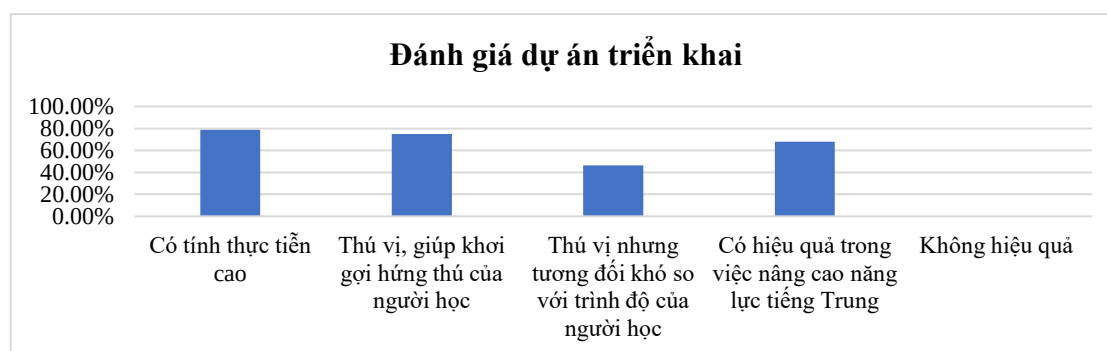
	Hoàn toàn không hứng thú		Không hứng thú		Trung lập		Hứng thú		Hoàn toàn hứng thú	
Q1	0	0%	1	1,8%	5	8,8%	22	38,6%	29	50,8%

Q1: Em có hứng thú với dự án “Phân tích chiến lược marketing của một doanh nghiệp” trong môn Quản trị doanh nghiệp không?

89,4% SV chọn hứng thú; 8,8% trung lập; 1,8% không hứng thú. Để hiểu rõ hơn lý do vì sao SV lựa chọn một doanh nghiệp cụ thể làm đối tượng nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng họ thường có xu hướng chọn các thương hiệu đại chúng quen thuộc với người tiêu dùng phổ thông, chẳng hạn các thương hiệu quốc tế như: Zara, Uniqlo, McDonald's; các thương hiệu Trung Quốc như: Li Ning, TikTok, Xiaomi; hoặc các thương hiệu nội địa Việt Nam như: Vinamilk, Hồng Hà, Trung Nguyên. Những doanh nghiệp này không chỉ gần gũi với sở thích và cuộc sống hàng ngày của SV, mà còn có nhiều tài liệu nghiên cứu sẵn có, giúp giảm bớt khó khăn trong việc tìm kiếm và tổng hợp thông tin.

Biểu đồ 2

Đánh giá của SV về dự án PBL được triển khai trong môn Quản trị doanh nghiệp



Q2: Em đánh giá như thế nào về Dự án phân tích chiến lược marketing của một doanh nghiệp?

78,6% cho rằng có giá trị thực tiễn; 75% cảm thấy thú vị và kích thích học tập; 67,9% công nhận hiệu quả nâng cao năng lực tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, 46,4% cho rằng dự án thú vị nhưng tương đối khó so với trình độ của SV. Để tìm hiểu nguyên nhân vì sao SV thấy đây là một dự án khó, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn SV, kết quả cho thấy: (1) SV thiếu kiến thức nền về kinh tế (do không học chuyên ngành kinh tế); (2) Khó hiểu thuật ngữ quản trị doanh

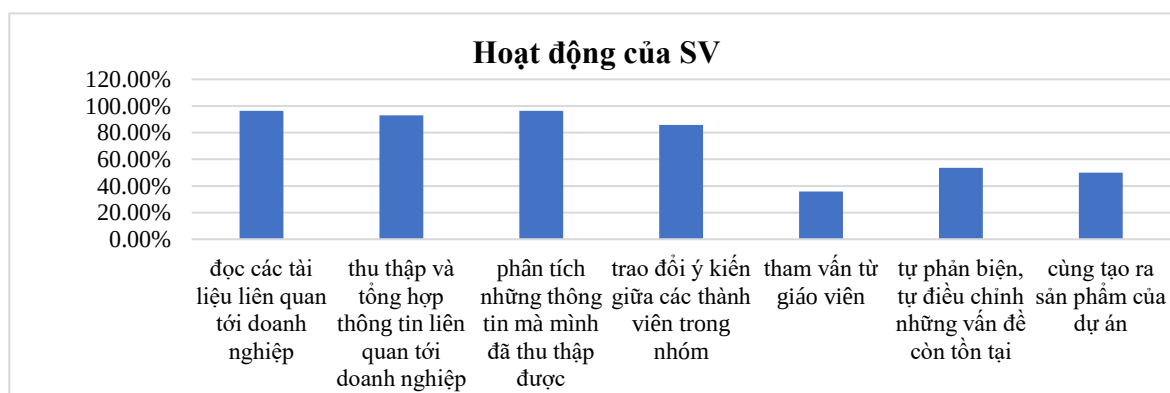
nghiệp; (3) Gặp khó khăn trong đọc và viết tài liệu tiếng Trung Quốc.

Điều này cho thấy rằng đề tài mà SV lựa chọn đều mang tính thực tiễn (Authenticity) - đây chính là yếu tố then chốt trong mô hình “Dạy học dựa trên dự án chuẩn vàng” (Gold Standard PBL) do PBLWorks đề xuất. Tuy nhiên, dù những đề tài này có tính thực tiễn, khơi gợi được hứng thú cho SV, nhưng lại khó so với trình độ hiện có của SV, do đó, cũng đặt ra thách thức lớn với GV: cần hỗ trợ và điều chỉnh cách thức triển khai, giúp giảm độ khó của quá trình thực hiện.

Về tiêu chí tính tự chủ (Student Voice and Choice/ Self-Activity) và tính nghiên cứu khám phá liên tục (Sustained Inquiry)

Biểu đồ 3

Các hoạt động của SV khi triển khai PBL



Q3: Trong quá trình thực hiện dự án, em đã tiến hành những hoạt động cụ thể nào?

Các hoạt động chính của SV trong quá trình thực hiện dự án gồm: thu thập tài liệu, phân tích thông tin, thảo luận nhóm, hỏi ý kiến GV, viết kết quả nghiên cứu, cho thấy SV hoàn toàn chủ động trong quá trình triển khai dự án. Sự chủ động này thể hiện ở việc SV tự tìm đề tài phù hợp, tự lên kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch triển khai, đặc biệt chủ động trao đổi thông tin trong nhóm cũng như với GV để hoàn chỉnh nội dung dự án của mình. Tiêu chí tính tự chủ của SV đã được kiểm nghiệm.

Tiến hành phỏng vấn chuyên sâu với SV, chúng tôi nhận thấy SV thường chia quá trình triển khai dự án thành 3 giai đoạn: (1) tìm kiếm và quyết định doanh nghiệp sẽ phân tích, phân chia công việc trong nhóm, thu thập thông tin; (2) phân tích và viết báo cáo; (3) chuẩn bị trình bày kết quả (làm PPT, video... và tập thuyết trình). Có thể thấy quá trình hoàn thành dự án của SV là một quá trình học tập kéo dài, quá trình nghiên cứu và viết dự án cũng là quá trình SV học và nâng cao các năng lực của bản thân, điều đó cũng cho thấy tiêu chí Khám phá và học tập liên tục đã được kiểm nghiệm.

Về tiêu chí Phản tư (Reflection), phản biện và chỉnh sửa (Critique and Revision)

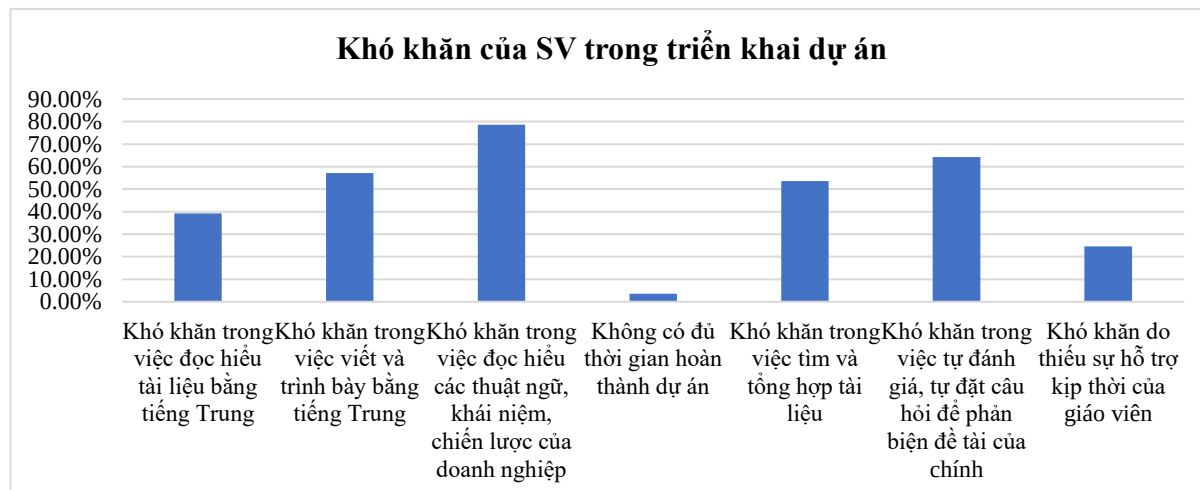
Q4: Nhóm em có tổ chức họp định kỳ để điều chỉnh nội dung không?

Với câu hỏi mở này, 100% SV trả lời có họp định kỳ hàng tuần để chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm, tuy nhiên, mức độ giữa các nhóm không giống nhau: 50% lựa chọn họp 3 lần trong suốt quá trình khai triển dự án, 38% trả lời họp định kỳ sau mỗi tuần, cá biệt có những nhóm họp 2-3 lần mỗi tuần. Nội dung họp nhóm nhằm mục đích tự nhìn nhận lại kết quả, đóng góp ý kiến cho nhau và cùng chỉnh sửa hoàn thiện dự án. Nhân tố tính phản tư và tính phản biện, chỉnh sửa được kiểm nghiệm.

Q5: Em gặp khó khăn gì khi thực hiện dự án?

Biểu đồ 4

Khó khăn của SV trong triển khai dự án



Trong các khó khăn mà SV gặp phải, có 64,3% đến từ việc tự đánh giá, tự đặt câu hỏi để phân biện nội dung của mình. Tìm hiểu sâu hơn vấn đề này qua phỏng vấn, chúng tôi nhận thấy đây là hệ quả của các vấn đề trước đó: do không có nền tảng kiến thức về kinh tế, nên SV gặp khó khăn trong việc đọc hiểu các thuật ngữ, khái niệm, đặc biệt khi các thuật ngữ này còn được trình bày bằng tiếng Trung Quốc, sẽ làm tăng thêm độ khó và thách thức cho SV. Vì không hiểu bản chất nên SV gặp khó khăn trong việc tự đánh giá và tìm ra những vấn đề tồn tại trong báo cáo của mình. Thêm vào đó là sự thiếu hỗ trợ và phản hồi kịp thời từ GV cũng khiến hiệu quả của tính phản tư và tính phản biện, chỉnh sửa của SV chưa đạt được hiệu quả cao. Đây cũng là một thách thức thứ hai cho GV: tăng cường hỗ trợ cho các hoạt động của SV.

Về tiêu chí tính hợp tác (Collaboration)

Q6: Việc phân công trong nhóm được thực hiện như thế nào? Dựa trên nguyên tắc gì?

Với câu hỏi mở này, câu trả lời của SV chủ yếu tập trung vào tiêu chí thế mạnh cá nhân và đảm bảo tính công bằng. Tiến hành phỏng vấn chuyên sâu, SV chia sẻ tổ chức phân công nhiệm vụ trong nhóm dựa trên kỹ năng và sở trường của từng thành viên, đồng thời căn cứ vào các tiêu chí như: khả năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thuyết trình và quản lý thời gian. Mỗi thành viên sẽ đảm nhiệm phân công việc phù hợp nhất với năng lực của mình để đảm bảo hiệu quả tối ưu cho dự án.

Trong quá trình triển khai, nhiều SV chia sẻ vì không có kiến thức nền tảng về kinh tế, nên các em gặp khá nhiều khó khăn trong việc hiểu một cách chính xác lý thuyết cũng như ứng dụng những lý thuyết đó vào phân tích doanh nghiệp mà mình đã lựa chọn. Do đó, các em đã chủ động kèm cặp chéo, thành viên có thế mạnh ở mảng nào sẽ hướng dẫn và chia sẻ kỹ năng cho người khác trong nhóm, ví dụ bạn giỏi tìm nguồn tài liệu sẽ chỉ cách sử dụng cơ sở dữ liệu, bạn giỏi viết tiếng Trung Quốc sẽ hỗ trợ chỉnh sửa ngôn ngữ cho cả nhóm. Ngoài ra, thông qua những buổi họp định kỳ hàng tuần, các em cùng chia sẻ những nội dung mà mình đã hoàn thành, những khó khăn trong quá trình tổng hợp và phân tích thông tin, cùng phản biện nội bộ như: đặt câu hỏi cho các thành viên khác, góp ý cho phần mình không làm chính để cùng hoàn thiện dự án. Các em cũng nhận thấy việc phải hoàn thành nội dung mình phụ trách đúng hạn, không ảnh hưởng tới tiến độ chung của cả dự án, cũng như biết chia sẻ những khó khăn mà mình gặp phải, sẵn

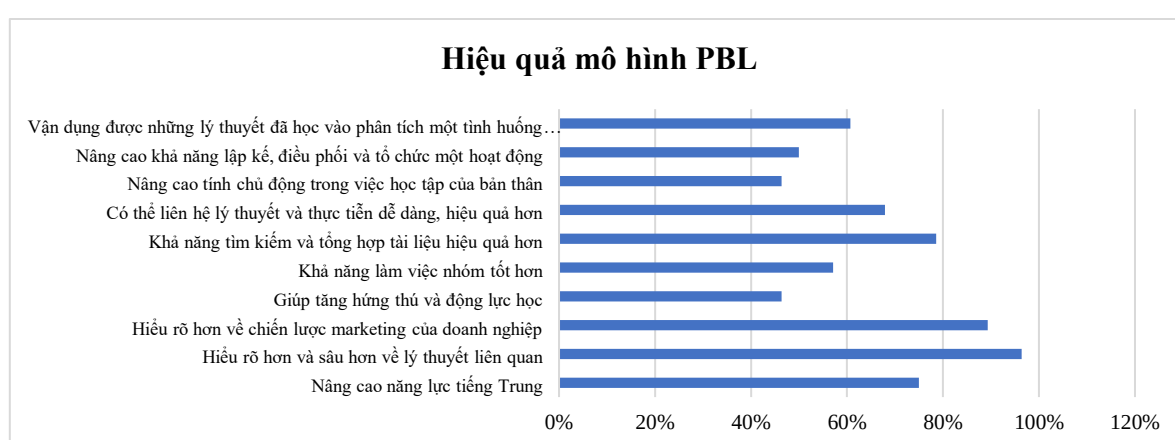
sàng lắng nghe và phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ đồng đội... đã giúp các em nâng cao tinh thần tự giác, khả năng phối hợp hiệu quả trong nhóm, nhờ đó mà năng lực làm việc nhóm được nâng cao. Từ đó có thể thấy, sự phối hợp trong nhóm diễn ra ăn ý, đạt hiệu quả cao, tiêu chí tính hợp tác cũng được chứng thực.

Về hiệu quả triển khai mô hình

Để đánh giá hiệu quả triển khai mô hình, chúng tôi đã tổng hợp lại những phản hồi từ SV theo các tiêu chí về tính tự chủ, tính thực tiễn, tính khám phá nghiên cứu, tính hợp tác. Kết quả cho thấy mô hình PBL chúng tôi triển khai trong môn Quản trị doanh nghiệp đã giúp phát huy những ưu điểm vốn có của PBL, cụ thể như biểu dưới:

Biểu đồ 5

Hiệu quả mô hình PBL đã triển khai



Để tìm hiểu sâu hơn mức độ hài lòng của SV với những tiêu chí quan trọng của một dự án, chúng tôi đã tiến hành bảng hỏi với 5 mức độ hài lòng, cụ thể như sau:

Bảng 5

Quan điểm của SV về hiệu quả sau quá trình hoàn thành dự án trong môn QTDN

	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Trung lập		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
Q7	1	1,7%	0	0%	4	7,0%	25	43,9%	27	47,4%
Q8	1	1,7%	0	0%	4	7,0%	29	50,9%	23	40,4%
Q9	1	1,7%	0	0%	6	10,5%	30	52,6%	20	35,1%
Q10	1	1,7%	0	0%	6	10,5%	27	47,4%	23	40,4%
Q11	1	1,7%	0	0%	4	7,0%	30	52,7%	22	38,6%

Q7: Doanh nghiệp mà nhóm em chọn vừa là đối tượng yêu thích, vừa có giá trị thực tiễn cao.

Q8: Sau khi nghiên cứu, em hiểu sâu hơn về doanh nghiệp và lý thuyết marketing.

Q9: Sau khi hoàn thành nghiên cứu và trình bày, em thấy năng lực tiếng Trung Quốc của mình được nâng cao.

Q10: Dự án giúp em nâng cao năng lực tự học trong tương lai.

Q11: Dự án giúp em cải thiện khả năng tìm kiếm, tổng hợp và phân tích tài liệu.

Kết quả cho thấy SV hoàn toàn đồng ý với những ưu điểm vượt trội mà phương pháp PBL mang lại như giúp SV nâng cao năng lực tiếng Trung Quốc, nắm được kiến thức chắc và sâu hơn, giúp nâng cao năng lực tự học của SV, đồng thời năng lực tìm kiếm thông tin, tài liệu cũng được cải thiện rõ rệt. Trong đó, mức độ hài lòng cao nhất (91,3%) là dự án có tính thực tiễn cao, giúp hiểu sâu hơn về doanh nghiệp và lý thuyết về marketing và giúp SV nâng cao năng lực tìm kiếm tổng hợp thông tin.

Như vậy, qua 2 lần khảo sát và phỏng vấn SV, trong các nhân tố quan trọng quyết định một dự án học tập thành công như: câu hỏi mang tính thách thức, quá trình khám phá nghiên cứu lâu dài, tính thực tiễn, học sinh có tiếng nói và lựa chọn, tính hợp tác và tính phản tư, tính phản biện đều đã được chứng thực, cho thấy mô hình PBL được triển khai trong các môn học tiếng Trung Quốc kinh tế là phù hợp và giúp phát huy được cơ bản những ưu điểm vốn có của nó. Câu hỏi nghiên cứu thứ hai cũng được trả lời.

Tuy nhiên, khảo sát cũng chỉ ra SV còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai dự án, điều này cũng tạo ra những thách thức cho GV trong việc cải thiện và nâng cao hiệu quả của giảng dạy môn học.

6. Thảo luận và đề xuất giảng dạy

Dự án “Phân tích chiến lược marketing của một doanh nghiệp” trong môn Quản trị doanh nghiệp tuy còn cần được hoàn thiện, nhưng nhìn chung đã phát huy hiệu quả trong việc khơi dậy tính chủ động, tinh thần hợp tác và khả năng tìm tòi của SV.

Kết quả khảo sát kết hợp phỏng vấn cho thấy phương pháp PBL đã phát huy được những ưu điểm vượt trội của mình, đặc biệt ở những phương diện sau: (1) Sau dự án, SV hiểu sâu hơn về doanh nghiệp và các lý thuyết về chiến lược marketing của doanh nghiệp. Nhờ việc tự tìm kiếm thông tin, áp dụng lý thuyết vào thực tiễn phân tích chiến lược marketing của một doanh nghiệp mà mình lựa chọn, SV nhận thấy kiến thức được học không còn chỉ trên lý thuyết mà được ứng dụng vào trong thực tiễn, nhờ đó, kiến thức học được cũng sâu sắc và hiệu quả hơn; (2) SV nâng cao được năng lực tìm kiếm và tổng hợp thông tin, đây cũng là một trong những năng lực quan trọng trong quá trình học tập suốt đời cũng như trong công việc sau này của các em; (3) Khả năng làm việc nhóm được nâng cao, với tần suất thảo luận nhóm ít nhất 1 tuần/lần, các thành viên trong nhóm phải thường xuyên trao đổi, tranh luận, cùng hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành dự án tốt nhất, và chính trong quá trình đó, khả năng giao tiếp, hỗ trợ trong nhóm của SV được cải thiện; (4) Nâng cao khả năng ngôn ngữ, đặc biệt là khả năng đọc hiểu nhờ việc tìm kiếm và tổng hợp thông tin trong một quá trình tương đối dài. Một số SV được phỏng vấn cho biết nhờ quá trình đọc và phân tích tài liệu, các em tự nhận thấy năng lực đọc hiểu, đánh giá tài liệu của mình được cải thiện rõ rệt.

Cũng thông qua đánh giá của SV sau khi hoàn thành dự án, chúng tôi tổng kết được hai vấn đề lớn: (i) mức độ khó của dự án còn tương đối cao, (ii) SV còn nhiều hạn chế trong khả năng tự phản tư và phát hiện vấn đề. Hai vấn đề này biểu hiện qua các khó khăn như: (1) hiểu biết còn hạn chế về các thuật ngữ chuyên ngành kinh tế; (2) khó khăn khi viết và trình bày kết quả nghiên cứu bằng tiếng Trung Quốc; (3) gặp thách thức trong việc thu thập, tổng hợp và phân tích tư liệu. Vì chưa nắm vững các thuật ngữ và lý thuyết liên quan đến marketing, SV thường khó xác định rõ vấn đề sau khi phân tích, dẫn đến thiếu định hướng trong việc điều chỉnh và hoàn thiện sản phẩm.

Để khắc phục những vấn đề trên, chúng tôi nhận thấy nhân tố có tính then chốt, giúp

giảm độ khó của dự án, hỗ trợ SV nâng cao khả năng tự phản tư và điều chỉnh chính là nhân tố hỗ trợ từ GV. GV với vai trò là nhà thiết kế dự án, người hướng dẫn trong quá trình triển khai cần phát huy hơn nữa vai trò hướng dẫn và cố vấn của mình, hỗ trợ kịp thời SV trong suốt quá trình thực hiện dự án.

Thứ nhất, để giúp SV không có nền tảng kiến thức về kinh tế giảm bớt khó khăn trong việc đọc hiểu các lý thuyết và khái niệm, thuật ngữ kinh tế, GV cần cung cấp hệ thống từ mới, lý thuyết song ngữ Trung - Việt trước và trong mỗi bài giảng. GV thông qua LMS yêu cầu SV ôn tập và chuẩn bị kiến thức trước khi lên lớp. Ngoài ra, với lượng kiến thức cho mỗi nội dung bài học là tương đối lớn, SV khó nắm bắt và áp dụng tất cả các lý thuyết đã học vào phân tích doanh nghiệp mà mình lựa chọn. Do đó, để giảm tải độ khó của lý thuyết, GV chỉ nên chọn một hoặc một vài kiến thức lý thuyết điển hình nhất của mỗi bài học. Ví dụ trong marketing, chiến lược sản phẩm đề cập tới các nội dung như: 3 cấp độ của sản phẩm, chiến lược thương hiệu, tổ hợp sản phẩm, chiến lược sản phẩm mới, chu kỳ sống của sản phẩm mới, chiến lược tổ hợp sản phẩm... Để giảm tải nội dung kiến thức cho SV, GV chỉ nên yêu cầu phân tích nội dung trọng tâm và dễ tiếp cận nhất bao gồm: 3 cấp độ của sản phẩm, tổ hợp sản phẩm và chiến lược thương hiệu sản phẩm.

Thứ hai, GV cần tổ chức các buổi báo cáo mẫu định kỳ ứng với từng nội dung kiến thức. Việc chia dự án lớn thành các nhiệm vụ nhỏ giúp SV chia nhỏ kiến thức, dễ dàng nắm bắt và ứng dụng kiến thức vào phân tích từng chiến lược nhỏ của doanh nghiệp. Thông qua các buổi báo cáo mẫu tương ứng với từng nội dung kiến thức, SV được rèn luyện và nâng cao khả năng biểu đạt ngôn ngữ của mình, đồng thời trình bày những vấn đề còn khúc mắc trong quá trình triển khai dự án. Hoạt động trình bày mẫu hàng tuần này đóng vai trò vô cùng quan trọng, bởi đây vừa là cơ hội giúp SV luyện tập sử dụng tiếng Trung quốc để thuyết trình, vừa giúp SV hiểu sâu lý thuyết hơn, từ đó tự nhìn nhận những vấn đề còn tồn tại trong bài viết của mình, giúp nâng cao khả năng tự phản biện và chỉnh sửa. Trong mỗi buổi trình bày mẫu này, GV sẽ nhận xét, phản biện và chỉnh sửa những vấn đề tồn tại trong bài viết của SV, các nhóm khác sẽ đóng vai “ban tư vấn doanh nghiệp”, đặt câu hỏi phản biện, nhờ đó, SV vừa được rèn kỹ năng phản biện, vừa hiểu sâu bản chất chiến lược.

Thứ ba, GV cần tăng cường hỗ trợ và giám sát quá trình thực hiện. Trong giai đoạn thu thập và phân tích tài liệu của SV, GV nên trao đổi thường xuyên và kiểm tra tiến độ định kỳ một tuần/lần qua Google Docs và Google Classroom, kịp thời đưa ra phản hồi và đề xuất điều chỉnh, đánh giá những chỉnh sửa của SV trước và sau những góp ý đánh giá của GV cũng như tự chỉnh sửa góp ý trong nhóm, đặc biệt là sau những buổi báo cáo mẫu hàng tuần. Sự hỗ trợ của GV trong quá trình hoàn thành dự án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp SV giải đáp những vấn đề tồn tại, định hướng cho SV tìm kiếm giải pháp phù hợp, nâng cao khả năng tự phản biện và phát hiện vấn đề của SV, và đó cũng chính là một trong các mục tiêu quan trọng mà phương pháp PBL hướng tới.

Thứ tư, trong việc lựa chọn đề tài cho dự án, GV nên định hướng ngay từ đầu giúp các em tìm được hướng đi đúng và lựa chọn được một doanh nghiệp phân tích phù hợp. Thực tế cho thấy, SV ra trường phần lớn sẽ làm trong các doanh nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc. Do đó, để gắn sát hơn với nhu cầu việc làm trong tương lai, các dự án nên tập trung vào những vị trí công việc phổ biến của SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời kết hợp với các hướng đầu tư mới của doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam, chẳng hạn như: năng lượng tái tạo, sản xuất thông minh, chuỗi công nghiệp công nghệ cao, chuỗi công nghiệp xe điện, kinh tế số và hạ tầng tài chính... nhằm nâng cao tính thực tiễn của dự án. Dự án có tính thực tiễn cao cũng tạo ra động lực giúp SV tự tìm hiểu, đào sâu và nâng cao kiến thức của mình.

Thứ năm, với thời gian lên lớp tương đối có hạn (3 tiết học/tuần), cùng với khối lượng tài liệu mà SV cần tự tìm hiểu để hoàn thành dự án là tương đối lớn, GV cần hướng dẫn SV sử dụng các công cụ AI hỗ trợ trong quá trình học tập của mình, ví dụ: ChatGPT, Deepseek, Google Translate...

Thứ sáu, cần mở rộng kênh hỗ trợ nguồn lực. Do thời gian và sức lực của GV có hạn, cần khuyến khích SV chủ động hỏi ý kiến bạn bè có nền tảng kiến thức liên quan hoặc tham khảo GV khác, từ đó mở rộng nguồn tri thức và nâng cao khả năng giải quyết vấn đề. GV có thể mời GV có chuyên môn kinh tế, các chuyên gia kinh tế hỗ trợ qua các buổi talk show, chế độ 2 GV hướng dẫn. Ngoài ra, như đã nói ở trên, nguồn lực đến từ Internet - AI là một kênh hỗ trợ vô cùng đặc lực cho SV trong việc tìm hiểu kiến thức.

7. Mô hình áp dụng PBL cho giảng dạy các môn tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

Để nâng cao hiệu quả và mở rộng mô hình áp dụng phương pháp PBL cho các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế nói chung, chúng tôi đề xuất điều kiện áp dụng và lộ trình triển khai như sau:

7.1. Điều kiện áp dụng

Điều kiện bài học

Nội dung môn học: Phù hợp với các chủ đề có tính ứng dụng cao như: quản trị doanh nghiệp, marketing, thương mại quốc tế, xuất nhập khẩu...

Thời lượng: Cần ít nhất một học phần từ 4–6 tuần để sinh viên có thời gian nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày.

Hình thức đánh giá: Kết hợp đánh giá quá trình (30–40%) và sản phẩm cuối (60–70%).

Điều kiện nguồn lực

GV: Có kiến thức nền về kinh tế và khả năng định hướng, cố vấn trong suốt quá trình làm dự án.

Cơ sở vật chất: Hệ thống LMS (Google Classroom, Moodle...), phòng học có trang thiết bị trình chiếu, Internet, công cụ trực tuyến (Zalo, Zoom, Google Docs, Canva...).

Tài liệu học tập: Giáo trình, tài liệu kinh tế Trung - Việt, nguồn dữ liệu chính thống (báo cáo doanh nghiệp, website công ty...).

Điều kiện trình độ sinh viên

Trình độ tiếng Trung Quốc: Tối thiểu đạt HSK4 để có khả năng đọc hiểu thuật ngữ kinh tế.

Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc nhóm cơ bản, tìm kiếm và phân tích tài liệu.

Kiến thức nền: Chưa cần nền tảng kinh tế chuyên sâu, nhưng cần được GV hỗ trợ lý thuyết cơ bản trước khi triển khai dự án.

7.2. Phương pháp thao tác

Trên cơ sở Biểu đồ 1 “Mô hình triển khai dự án PBL trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế” đã xây dựng ở trên, GV có thể chia dự án thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn trước dự án: (1) xác định mục tiêu dự án về ngôn ngữ, kiến thức và năng lực, (2) công bố yêu cầu dự án, (3) xây dựng và công bố tiêu chí đánh giá, (4) chia dự án thành những nhiệm vụ nhỏ tương ứng từng nội dung kiến thức, (5) lập bảng kế hoạch triển khai dự án;

Giai đoạn triển khai: GV cung cấp nội dung từng kiến thức nhỏ, SV nắm vững và triển

khai viết từng nội dung, báo cáo mẫu, chỉnh sửa và trình bày sản phẩm cuối cùng;

Giai đoạn đánh giá sau dự án: GV tổng kết, đánh giá, công bố kết quả, SV phản hồi và tự đánh giá.

7.3. Lộ trình triển khai

Đào tạo GV: Tập huấn phương pháp PBL, cung cấp tài liệu kinh tế.

Xây dựng ngân hàng dự án: Danh sách doanh nghiệp/tình huống kinh tế phù hợp với trình độ SV.

Mở rộng: Sau khi thí điểm thành công, nhân rộng ra các môn khác (dịch thương mại, kinh tế quốc tế, thương mại điện tử...).

8. Kết luận

Trên cơ sở hệ thống lý thuyết hiện có về phương pháp Học tập qua dự án (PBL), bài viết đã xây dựng mô hình giảng dạy phù hợp với đối tượng là SV chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Trung Quốc. Tiếp đó, bài viết mô tả cách thức triển khai mô hình này trong một dự án cụ thể là “Phân tích mô hình marketing của một doanh nghiệp” trong khuôn khổ học phần Quản trị doanh nghiệp, giúp cụ thể hóa mô hình, mang lại giá trị tham khảo cho việc triển khai PBL trong các môn ngoại ngữ chuyên ngành khác. Tiếp theo, trên cơ sở mô hình triển khai, nghiên cứu đánh giá hiệu quả mô hình thông qua khảo sát 57 SV tham gia vào học phần và dự án. Kết quả khảo sát cho thấy dự án đã đáp ứng được với những tiêu chí của một dự án PBL lý tưởng, đó là tính thách thức, tính thực tiễn, tính tự chủ, tính khám phá nghiên cứu. Mô hình triển khai dự án hiệu quả, giúp SV nâng cao năng lực ngôn ngữ, hiểu kiến thức sâu hơn, gắn kết lý thuyết và thực tiễn tốt hơn, tăng cường động lực học tập, rèn luyện các kỹ năng của thế kỷ 21 như kỹ năng quản lý dự án, kỹ năng hợp tác. Khảo sát cũng chỉ ra vấn đề tồn tại của dự án, đó là câu hỏi nghiên cứu còn tương đối khó so với trình độ hiện có của SV, từ đó dẫn tới việc SV gặp khó khăn trong việc tự phản biện và chỉnh sửa nội dung dự án. Trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu đã đưa ra một số đề xuất trong quá trình triển khai, giúp nâng cao hiệu quả dự án, đó là: nâng cao vai trò hướng dẫn và cố vấn của GV, tổ chức các buổi báo cáo mẫu hàng tuần cho SV, định hướng các đề tài dự án có tính ứng dụng cao cho công việc của SV, tận dụng sự hỗ trợ từ AI và các nguồn lực khác.

Mặc dù tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế là một môn học khó đối với SV ngôn ngữ không có kiến thức nền về kinh tế, nhưng thông qua khảo sát và đánh giá hiệu quả dự án, có thể thấy PBL đã góp phần giảm mức độ khó và nâng cao hiệu quả học tập của môn học. Những kiến thức lý thuyết khô khan không còn được giảng dạy một chiều qua hoạt động của GV, mà biến thành một quá trình tự tìm tòi nghiên cứu của SV, và chính trong quá trình đó, SV hiểu sâu kiến thức, kích thích hứng thú học tập. Do đó, học tập qua dự án là một mô hình đáng để áp dụng và nhân rộng trong giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế nói riêng và các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Dewey, J. (2008). *Democracy and education* (Pham, A. T., Trans.). Tri Thuc Publishing. (Original work published 1916).
- Ho, S. T. K. (2019). Implementing project-based learning in a tourism English translation classroom: An experimental study. *Journal of Science and Technology, University of Danang*, 17(2), 15–20. <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/1959>
- Hong, F. (2024). Xiangmushi xuexi moshi zai gaoxiao shangwu yingyu jiaoxue zhong de yingyong yanjiu [Application of project-based learning in business English teaching in universities]. *Journal of Hubei Open Vocational College*, 37(3), 179–180, 183.

- John, L. (2015). *Setting the standard for project-based learning: A proven approach to rigorous classroom instruction*. ASCD.
- Li, S. (2023). Xiangmushi xuexi zai junshi yingyu jiaoxuezhong de yingyong tansuo – yi “junshi yingyu tingshuo jiaocheng” Unit 7 Patrol weilie [Exploring the application of project-based learning in military English teaching – A case study of Unit 7 Patrol in *Military English Listening and Speaking*]. *Overseas English*, 24, 110–112, 128.
- Mai, T. N. A., Vi, T. H., & Pham, H. T. (2017). Project-based learning in teaching Chinese for tourism at the Faculty of Foreign Languages, Thai Nguyen University. *Journal of Science and Technology*, 174(14), 117–122. <https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/824>
- Nguyen, V. T. (2019). *Applying the task-based language teaching method to teaching speaking skills in Chinese*. [University-level research project, University of Foreign Languages, Hue University]. <https://csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn/data/2021/8/Bai bao van dung phuong phap day hoc ngon ngu theo nhien vu.pdf>
- PBLWorks. (n.d.). *Gold standard PBL: Essential project design elements*. <https://www.pblworks.org/>
- Tran, A. C. (2023). Applying the project-based learning method in English language teaching. *Educational Equipment Magazine*, 1(298), 66–68. <https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd/article/download/89750/76206>
- Tran, D. B. (2021). Applying the project-based learning method in foreign language teaching in Vietnam. *Journal of Science and Technology*, 174(17), 97–102. <https://jst.tnu.edu.vn/jst/issue/view/24>
- Vu, T. H. (2017). *English learning method: “Project-based learning” to enhance self-study effectiveness for students at the University of Commerce*. [University-level research project]. <https://dlib.tmu.edu.vn/entities/publication/0e7d95b9-d3c6-4e77-93bf-46c5a4590ea4>
- William, H. K. (1918). The project method. *Teachers College Record*, 19(4), 319–335. <https://www.education-uk.org/documents/kilpatrick1918/index.html>
- Yang, L. P. (2012). Jiyu xiangmushi xuexi moshide daxue yingyu xueshu xiezuo jiaoxue shizhengyanjiu [An empirical study of project-based learning in college English academic writing]. *Foreign Language World*, 5(152), 8–16.

PHỤ LỤC

Thông tin trong phụ lục xin truy cập mã QR dưới đây:

